

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2025/DS-ST
Ngày 29-4-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH BẢO THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tâm

Ông Nguyễn Văn Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ly Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đào Duy Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 81/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng về việc “tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V; trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn T, cán bộ xử lý nợ (Văn bản uỷ quyền số 08/2024/UQ-LCC-KHCNMB02 ngày 11-3-2025); có mặt.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Công ty cổ phần M, địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T1 - Chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Xuân N - Chuyên viên xử lý nợ (Văn bản uỷ quyền số 6403/2025/UQ-XLN-JUPIER ngày 04-3-2025).

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Q; nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Hoàng Thị H; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Vợ chồng anh Hoàng Anh D1 và chị Đặng Thị Thanh T2; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình chuẩn bị xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngân hàng Thương mại cổ phần V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và anh Phạm Văn Q có ký hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2309180282940 ký ngày 25/09/2023 và khế ước nhận nợ kèm theo: Số tiền vay: 1.255.000.000 đồng (một tỷ hai trăm lăm lăm triệu đồng); mục đích sử dụng vốn vay: Vay hoàn vốn mua bất động sản cho bên thứ 3 có thửa đất số 500, tờ bản đồ 31, tại địa chỉ: Tổ dân phố A, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Thời hạn cho vay: 300 tháng (ba trăm tháng) tính từ ngày tiếp theo ngày bên ngân hàng giải ngân số tiền vay. Lãi suất: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 9,4%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày); lãi suất cho vay trong hạn được cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân (“Thời gian cố định”). Hết “Thời gian cố định” lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau thời gian cố định, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/ 01 lần vào các ngày đầu quý tiếp theo. Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của Ngân hàng thì ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên liền sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 300 tháng được bên ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.V1.com.vn có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.5%/năm. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2309180283605 ký ngày 25/09/2023 và khế ước nhận nợ kèm theo 29-9-2023: Số tiền vay: 627.000.000 đồng (sáu trăm hai bảy triệu đồng). Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn cho vay: 24 tháng (hai bốn tháng) tính từ ngày các bên ký hợp đồng. Lãi suất trong hạn: Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân: 7,49%/năm (Lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Lãi suất cho vay trong hạn được cố định 03 tháng kể từ ngày giải ngân (“Thời gian cố định”). Hết “Thời gian cố định” lãi suất cho vay trong hạn sẽ được điều chỉnh. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày đầu tiên sau thời gian cố định, sau đó lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/ 01 lần vào các ngày đầu quý tiếp theo. Trường hợp ngày điều chỉnh lãi suất rơi vào ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ theo quy định của Ngân hàng thì ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên liền sau ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ đó.

Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng mức lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng được bên ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.V1.com.vn có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4.0%/năm. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSDB mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 27-9-2023: Số tiền vay: 237.000.000 đồng (hai trăm ba mươi bảy triệu đồng). Thời hạn cho vay: 36 tháng, mục đích cho vay: Mua đồ gia dụng, lãi suất: Theo quy định Ngân hàng từng thời kỳ.

Giấy đề nghị vay vốn có tài sản đảm bảo kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 19-9-2023: Hạn mức thẻ đề nghị: 62.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi hai triệu đồng). Loại thẻ: Platinum Credit, mục đích: Vay tiêu dùng, lãi suất: Theo quy định Ngân hàng từng thời kỳ.

Tài sản bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất 500, tờ bản đồ số 31, tại địa chỉ: Tổ dân phố A, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 375939, số vào sổ cấp GCN: CN00482 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận Đ cấp ngày 23-8-2023; Ngày 20-9-2023 tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H-Chi nhánh quận Đ đã xác nhận chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Q. Hợp đồng thế chấp số LN2309180283605, số công chứng 14606/HĐTC/2023 quyền số 05/TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 25-9-2023 tại Văn Phòng C.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Phạm Văn Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V1 từ ngày 10-6-2024. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện về mặt thời gian để thanh toán, tuy nhiên ông Phạm Văn Q vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ.

Đến ngày 27-12-2024 Ngân hàng đã bán một phần (90%) khoản nợ theo hợp đồng tín dụng số LN2309180282940 ký ngày 25-9-2023, LN2309180283605 ký ngày 25-9-2023, Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSDB mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 27-9-2023 cho Công ty Cổ phần M (sau đây gọi tắt là công ty M) theo Hợp đồng Mua bán nợ số 17/2024/VPB-JUPITER và bán toàn bộ (100%) khoản nợ thẻ tín dụng ngày 19-9-2023 cho Công ty cổ phần M.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông Phạm Văn Q phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng và J, trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 29-4-2025 là:

Dư nợ của khoản vay tính đến ngày 29-04-2025 tại công ty M là 2.325.744.025 đồng, trong đó: nợ gốc: 1.936.052.192 đồng, nợ lãi trong hạn: 25.634.333 đồng, nợ lãi quá hạn: 342.744.188 đồng, L chậm trả lãi: 21.313.312 đồng.

Dư nợ của khoản vay tính đến ngày 29-4-2025 tại Ngân hàng V2 là: 248.447.996 đồng, trong đó: Nợ gốc: 208.610.444 đồng, nợ lãi trong hạn: 2.848.259 đồng, nợ lãi quá hạn: 34.621.117 đồng, lãi chậm trả lãi: 2.368.146 đồng.

Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày thực tế ông Phạm Văn Q thanh toán hết nợ.

Trường hợp ông Phạm Văn Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng và J có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, xử lý các tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất 500, tờ bản đồ số 31, tại địa chỉ: Tổ dân phố A, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 375939, số vào sổ cấp GCN: CN00482 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai quận Đ cấp ngày 23/08/2023; Ngày 20/09/2023 tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H - Chi nhánh quận Đ đã xác nhận chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Q. Hợp đồng thế chấp số LN2309180283605, số công chứng 14606/HĐTC/2023 quyền số 05/TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 25-9-2023 tại Văn Phòng C.

Tại bản tự khai Đại diện Công ty cổ phần M trình bày như nội dung đã nêu trên, thống nhất với nội dung và yêu cầu của ngân hàng đã đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là ông Phạm Văn Q trình bày: Ông thừa nhận có ký các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng vay số tiền như ngân hàng trình bày nêu trên là đúng, công nhận số tiền dư nợ của ông tại Ngân hàng như ngân hàng đã trình bày. Đối với tài sản đảm bảo cho các khoản vay, ông xác định có ký hợp đồng thế chấp với ngân hàng, tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất 500, tờ bản đồ số 31, tại địa chỉ: Tổ dân phố A, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng đứng tên ông. Trường hợp ông không trả được nợ thì đồng ý phát mại tài sản theo quy định pháp luật. Do ông đang bị ốm nên ông đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị H trình bày: Bà là mẹ đẻ của ông Hoàng Anh D1, thửa đất anh Q thế chấp ngân hàng trước đây là của anh Hoàng Anh D1 và chị Đặng Thị Thanh T3. Đến tháng 9/2023, vợ chồng anh D1, chị T3 đã chuyển nhượng cho anh Q, việc chuyển nhượng giữa hai bên bà không biết và không có ý kiến gì, bà đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh D1, chị T3 đã được Tòa án thông báo tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh D1, chị T3 không cung cấp lời khai và không cung cấp các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tòa án đã thông báo về việc kiểm tra việc giao

nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Q, anh D1, chị T3 đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên anh Q đã thế chấp cho Ngân hàng, xác định tài sản thế chấp vẫn nguyên hiện trạng, không thay đổi so với thời điểm ký kết hợp đồng thế chấp. Trên diện tích đất thế chấp không có công trình, không phát sinh tranh chấp với người thứ ba.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Phạm Văn Q phải có nghĩa vụ toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tính dụng tính đến ngày 29-4-2025, cụ thể: Trả cho công ty M là 2.325.744.025 đồng, trong đó: nợ gốc: 1.936.052.192 đồng, nợ lãi trong hạn: 25.634.333 đồng, nợ lãi quá hạn: 342.744.188 đồng, lãi chậm trả lãi: 21.313.312 đồng. Trả cho Ngân hàng V2 là: 248.447.996 đồng, trong đó: Nợ gốc: 208.610.444 đồng, nợ lãi trong hạn: 2.848.259 đồng, nợ lãi quá hạn: 34.621.117 đồng, lãi chậm trả lãi: 2.368.146 đồng.

Trường hợp ông Phạm Văn Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi vốn theo đúng cam kết trong hợp đồng thế chấp tài sản số Hợp đồng thế chấp số LN2309180283605 ngày 25 tháng 9 năm 2023. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải nộp án phí, bị đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và ông Phạm Văn Q là tranh chấp hợp đồng tín dụng, mục đích vay tiền tiêu dùng nên được xác định là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án. Ông Q có nơi cư trú xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tố tụng của Công ty cổ phần M: Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đã chuyển giao một phần quyền và nghĩa vụ theo quy định về pháp luật dân sự cho Công ty cổ phần M, do đó Công ty cổ phần M được kế

thừa một phần quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V theo quy định tại Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn có đề nghị xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người liên quan theo thủ tục chung.

- Về nội dung vụ án:

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Phạm Văn Q phải trả 10% và người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là Công ty cổ phần M yêu cầu ông Q phải trả 90% số tiền nợ theo các hợp đồng tín dụng. Hội đồng xét xử thấy: Các hợp đồng tín dụng số LN2309180282940 ngày 25-9-2023; hợp đồng tín dụng số LN2309180283605 ngày 29-9-2023; Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 27-9-2023; Giấy đề nghị cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 19-9-2023 giữa Ngân hàng và ông Phạm Văn Q được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thẻ tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên thông qua các điều khoản đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, giải ngân đủ số tiền cho vay cho ông Q; ông Q đã nhận đủ số tiền vay, nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi theo đúng cam kết đã ký trong hợp đồng tín dụng và sử dụng tài khoản thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Q cũng thừa nhận còn nợ ngân hàng số tiền gốc, lãi như ngân hàng đã trình bày là đúng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Q phải trả cho Ngân hàng và Công ty cổ phần M số tiền còn nợ nêu trên là có căn cứ, phù hợp với các điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, ông Q phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên.

[5] Đối với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của Ngân hàng và Công ty cổ phần M: Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ vay, ông Q đã dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thế chấp cho Ngân hàng bằng việc ký kết Hợp đồng thế chấp số LN2309180283605 ngày 25 tháng 9 năm 2023. Tài sản thế chấp là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 500; tờ bản đồ số 31; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường H, Quận Đ, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 375939; sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CN00482 do chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Quận Đ cấp ngày 26/8/2023; ngày 20-9-2023 văn phòng Đ chi nhánh Quận Đ xác nhận chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Q. Hợp đồng thế chấp tài sản đã được ký kết trên cơ sở tự nguyện, tự định đoạt, thỏa thuận, mục đích và nội dung thỏa thuận phù hợp với đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Hợp đồng thế chấp đã được chứng thực của cơ quan

công chứng và đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, hợp đồng thế chấp tài sản là hợp pháp và có hiệu lực thực hiện. Theo Hợp đồng thế chấp nêu trên, tài sản thế chấp được đảm bảo cho các khoản vay của ông Q phát sinh tại ngân hàng. Ngân hàng và Công ty cổ phần M yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ, hoàn toàn phù hợp với cam kết tại Hợp đồng thế chấp tài sản, phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự và Nghị định của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật. Ông Phạm Văn Q phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện nộp đủ chi phí tố tụng và không có yêu cầu nên không phải xem xét giải quyết.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 227, 228, 147, 273 và 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 463, 465, 466, 500, 501, 502 Bộ luật Dân sự, các điều 90, 91 và 98 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là Công ty cổ phần M:

Buộc ông Phạm Văn Q phải có nghĩa vụ trả Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền nợ tính đến ngày 29-4-2025 là: 248.447.996 (hai trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi sáu) đồng, trong đó: Nợ gốc: 208.610.444 (hai trăm linh tám triệu sáu trăm mười nghìn bốn trăm bốn mươi bốn) đồng, nợ lãi trong hạn: 2.848.259 (hai triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm năm mươi chín) đồng, nợ lãi quá hạn: 34.621.117 (ba mươi tư triệu sáu trăm hai mươi một nghìn một trăm mười bảy) đồng, lãi chậm trả lãi: 2.368.146 (hai triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn một trăm bốn mươi sáu) đồng.

Buộc ông Phạm Văn Q có nghĩa vụ trả Công ty cổ phần M số tiền nợ tính đến ngày 29-4-2025 là: 2.325.744.025 (hai tỷ ba trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn không trăm hai mươi lăm) đồng, trong đó: nợ gốc: 1.936.052.192 (một tỷ chín trăm ba mươi sáu triệu không trăm năm mươi hai nghìn một trăm chín mươi hai) đồng, nợ lãi trong hạn: 25.634.333 (hai mươi năm triệu sáu trăm ba mươi tư nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng, nợ lãi quá hạn: 342.744.188 (ba trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm tám mươi tám) đồng, L

chậm trả lãi: 21.313.312 (hai mươi một triệu ba trăm mười ba nghìn ba trăm mười hai) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (30-4-2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Phạm Văn Q không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần V hoặc Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi tài sản đảm bảo là: toàn bộ quyền sử dụng 182,2 m² đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 500; tờ bản đồ số 31; địa chỉ: Tổ dân phố A, phường H, Quận Đ, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DM 375939; số vào sổ cấp giấy chứng nhận CN00482 do chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Quận Đ cấp ngày 26-8-2023; ngày 20-9-2023 văn phòng Đ chi nhánh Quận Đ xác nhận chuyển nhượng cho ông Phạm Văn Q theo Hợp đồng thế chấp số LN2309180283605 ngày 25 tháng 9 năm 2023.

Nếu tài sản đảm bảo không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Q tiếp tục trả nợ cho đến khi thực trả hết toàn bộ khoản vay.

2. Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí 37.874.000 (ba mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009462 ngày 29-10-2024 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải phòng. Ông Phạm Văn Q phải chịu 84.483.424 (tám mươi bốn triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

Vũ Văn Thắng